

**SỐ TÍCH LŨY CÁC TRƯỜNG HỢP NGƯỜI NHIỄM CÚM GIA CẦM TÝP A (H5N1)  
ĐÃ BÁO CÁO VỚI WHO TÍNH ĐẾN NGÀY 28/9/2006**

<b>Quốc gia</b>	<b>2003</b>		<b>2004</b>		<b>2005</b>		<b>2006</b>		<b>Tổng số</b>	
	<b>Số mắc</b>	<b>Số tử vong</b>	<b>Số mắc</b>	<b>Số tử vong</b>						
Azerbaijan	0	0	0	0	0	0	8	5	8	5
Campuchia	0	0	0	0	4	4	2	2	6	6
Trung Quốc	1	1	0	0	8	5	12	8	21	14
Djibouti	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0
Ai Cập	0	0	0	0	0	0	14	6	14	6
Indonesia	0	0	0	0	19	12	49	40	68	52
Iraq	0	0	0	0	0	0	3	2	3	2
Thái Lan	0	0	17	12	5	2	3	3	25	17
Thổ Nhĩ Kỳ	0	0	0	0	0	0	12	4	12	4
Viet Nam	3	3	29	20	61	19	0	0	93	42
<b>Tổng số</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>46</b>	<b>32</b>	<b>97</b>	<b>42</b>	<b>104</b>	<b>70</b>	<b>251</b>	<b>148</b>

Tổng số mắc bao gồm cả số ca tử vong. WHO chỉ thông báo những trường hợp đã được xét nghiệm khẳng định.

Nguồn: [www.who.int](http://www.who.int)

**CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU  
THỰC TRẠNG AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG TRONG SỬ DỤNG HÓA CHẤT BẢO  
VỆ THỰC VẬT Ở XÃ YÊN THƯỜNG - GIA LÂM - HÀ NỘI**

Hoàng Hải\*, Đỗ Hàm\*\*

**Nghiên cứu ở xã Yên Thường - Gia Lâm Hà Nội cho thấy:** kiến thức và thực hành về an toàn vệ sinh lao động của những người nông dân trồng rau chưa tốt. 100% nông dân sử dụng HCBVTV trong canh tác rau màu, có 61,3% nông dân chưa được hướng dẫn về ATVSLĐ khi tiếp xúc nên tỷ lệ nắm vững những nguyên tắc này còn thấp (24,7%). Việc xử lý dụng cụ và bao bì sau khi phun HCBVTV còn chưa đúng cách, thiếu an toàn.

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ cuối những năm 50 của thế kỷ 20 hóa chất bảo vệ thực vật (HCBVTV) đã được đưa vào sử dụng ở Việt Nam [1,3]. Những năm đầu số lượng chỉ vài chục tấn, ngày nay đã tăng lên khoảng 50 nghìn tấn mỗi năm. Có hàng trăm người chết do nhiễm độc HCBVTV mỗi năm. Tình trạng nhiễm độc diễn ra ở khắp nơi, ở mọi thời điểm với số lượng rất lớn và thực trạng này

đang ở mức báo động. Nghề trồng rau rất phát triển và đem lại lợi ích to lớn về kinh tế, xã hội, nhưng ngược lại số người tiếp xúc với HCBVTV bị ảnh hưởng cũng rất lớn [2]. Xuất phát từ nhu cầu thực tế của địa phương, chúng tôi đã tiến hành đề tài với mục tiêu mô tả thực trạng an toàn vệ sinh lao động trong sử dụng HCBVTV ở khu chuyên canh rau của xã yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

\* SV, \*\*PGS., TS. Đại học Y khoa Thái Nguyên.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

### 1. Đối tượng

Đối tượng nghiên cứu là những hộ gia đình trồng rau để ăn hoặc để bán, được chia thành 2 nhóm:

- + Nhóm nghiên cứu: Gồm những hộ gia đình chuyên trồng rau để bán.

- + Nhóm đối chứng: Là những hộ dân sống ở cùng địa phương trồng rau với diện tích nhỏ chỉ để cung cấp cho nhu cầu gia đình, không bán.

Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 9/2005 đến 9/2006.

### 2. Phương pháp

- Nghiên cứu được tiến hành theo phương pháp mô tả, thiết kế cắt ngang, với cỡ mẫu chủ đích ấn định cho mỗi nhóm là 150 hộ.

- Đánh giá thực trạng an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ) trong sử dụng HCBVTV của người trồng rau được thu thập bằng phỏng vấn trực tiếp qua phiếu điều tra.

## III. KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy ở nhóm chủ yếu 100% các hộ trồng rau bán có sử dụng HCBVTV để bảo vệ chăm sóc rau, tỷ lệ này ở nhóm đối chứng là 8%. Sự khác biệt này có ý nghĩa rõ rệt. Tình trạng này cũng tương tự như một số nghiên cứu ở Thái Nguyên và một số tỉnh đồng bằng sông Hồng [1, 3]. Qua điều tra cũng thấy 13,9% người trực tiếp đi phun HCBVTV ở tuổi trên 60 và 10,7% dưới 18 tuổi. Có 37,3% số hộ vẫn còn sử dụng HCBVTV nằm trong danh mục cấm (Wofatox...). Đây là vấn đề mà nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước khi đề cập luôn lưu ý [3, 5].

*Bảng 1: Thực trạng công tác hướng dẫn ATVSLĐ và hiểu biết của người dân*

Tt	Nội dung	SL	Tỷ lệ %
<i>Hướng dẫn</i>			
1	- Đã được hướng dẫn	58	38,7
	- Chưa được hướng dẫn	92	61,3
<i>Nắm vững nguyên tắc ATVSLĐ</i>			
2	- Nắm vững	37	24,7
	- Biết không đầy đủ	56	37,3
	- Không nắm vững	57	38,0

Có 61,3% người đi phun HCBVTV chưa được hướng dẫn ATVSLĐ trong tiếp xúc và sử dụng, nên chỉ có 24,7% nắm vững các nguyên tắc ATVSLĐ khi tiếp xúc với HCBVTV.

*Bảng 2: Hiểu biết về an toàn trong sử dụng HCBVTV cho cộng đồng*

Tt	Nội dung	SL	Tỷ lệ %
<i>Thời gian thu hoạch sau phun</i>			
1	- Sau 1 ngày	0	0
	- Sau 3 ngày	28	18,7
	- Sau 7 đến 10 ngày tùy từng loại HCBVTV	98	65,3
	- Khác	24	16,0
<i>Nơi rửa bình phun sau khi phun HCBVTV</i>			
2	- Mương ngoài ruộng	92	61,3
	- Sông suối ngay gần đó	46	30,7
	- Mang về nhà	12	8,0
	- Không rửa	0	0
<i>Xử lý bao bì đựng HCBVTV sau khi sử dụng</i>			
3	- Vứt lung tung	82	59,3
	- Mang về nhà	16	10,7
	- Chôn	32	21,3
	- Đốt	63	8,7

Có 65,3% người đi phun HCBVTV trả lời sẽ thu hoạch rau sau 7 ngày phun là chưa đủ an toàn cho cộng đồng sử dụng. Tỷ lệ mang bình phun về nhà rửa còn ít (8%), tỷ lệ vứt vỏ đựng HCBVTV sau khi sử dụng lung tung cũng còn cao (59,3%). Những vấn đề này đều tạo ra nguy cơ, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe người dân trong cộng đồng. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng tương tự như các nghiên cứu khác khi chưa can thiệp tại Thái Nguyên và đồng bằng sông Cửu long [1]. Đây cũng là vấn đề được nhắc nhiều trong các hội nghị quốc tế [4, 5].

*Bảng 3: Hiểu biết về an toàn cho người trực tiếp sử dụng HCBVTV*

Tt	Nội dung	SL	Tỷ lệ %
<i>Đối tượng không được đi phun HCBVTV</i>			
1	- Phụ nữ có thai	102	68,0
	- Phụ nữ đang cho con bú	84	56,0
	- Người già yếu	24	16,0
	- Trẻ em < 15 tuổi	106	70,6
	- Ai cũng có thể đi phun	16	10,7
<i>Các phương tiện bảo hộ lao động được sử dụng</i>			
2	- Quần áo	16	10,7
	- Mũ	134	89,3
	- Khẩu trang	146	97,3
	- Găng tay	24	16
	- Ủng	8	5,3
	- Kính	6	4,0

<i>Ăn, uống, hút thuốc trong khi phun</i>			
3	- Có ăn, uống, hút thuốc	12	8,0
	- Không ăn, uống, hút thuốc	16	10,6
	- Không nghỉ giải lao	122	81,4
<i>Thay quần áo ngay sau khi phun HCBVTV</i>			
4	- Không thay quần áo	34	22,6
	- Thay ngay ngoài ruộng	8	5,4
	- Về nhà thay quần áo	108	72,0
<i>Tắm ngay sau khi phun HCBVTV</i>			
5	- Có	124	82,6
	- Không	26	17,4

Có 10,7% người được hỏi trả lời là ai cũng có thể đi phun HCBVTV. 97,3% đi phun HCBVTV có đeo khẩu trang, 8,0% còn ăn uống hút thuốc trong thời gian tiếp xúc. Có 72,0% về nhà thay quần áo, 17,4 % không tắm ngay sau khi phun HCBVTV. Chứng tỏ ý thức và thực hành của người dân còn rất kém.

#### IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

**1. Kết luận:** tỷ lệ sử dụng HCBVTV trong canh tác rau là phổ biến (100%). Người nông dân ít được hướng dẫn đầy đủ về công tác ATVSLD khi tiếp xúc với HCBVTV (38,7%) nên hiểu biết và thực hành ATVSLD khi tiếp xúc với HCBVTV còn rất kém: tỷ lệ nắm vững kiến thức là 24,7%, gần 100% rửa bình phun không đúng nơi quy định, quá nửa (59,3%) vứt lung tung bao bì đựng HCBVTV, người tiếp xúc không biết tự bảo vệ cho mình rất phổ biến.

**2. Đề nghị:** Cần có mô hình can thiệp phù hợp, đặc biệt là tăng cường giáo dục truyền thông về an toàn vệ sinh lao động trong lưu thông, phân phối, sử dụng và bảo quản HCBVTV ở cộng đồng. Tăng cường sự tham gia của chính quyền, lưu ý hơn nữa các khâu quản lý, giám sát mạng lưới cung cấp HCBVTV.

#### SUMMARY

**Occupational safety in farmers exposed to chemicals for plant protection in the vegetable areas in Yenthuong Hanoi**

In order to evaluate the real situation of occupational safety in the vegetable cultivating community which exposed to the chemicals for plant protection, this cross-sectional study and retrospective investigation have been conducted. The results showed:

- 100% household used chemicals for plant protection in cultivating.

- Low knowledge and practice on safety in using chemicals.

- High number of sprayers incorrected in using pesticides (over 50 %). 10.39% of sprayers are under 18 and 15% of sprayers over 60 years old.

- The authors have proposed primary-health programme for farmers by technical and medical solutions

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chương trình quốc tế về an toàn hóa chất. An toàn và sức khỏe trong sử dụng hóa chất nông nghiệp. NXB lao động xã hội, 2000.
- Bùi Vĩnh Diên, Vũ Đức Vọng. Dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất và nước. Tạp chí Y học thực hành số 4 (67), 2004. Phụ bản tr 31.
- Lê Trung, Nguyễn Duy Thiết, Ngô Trinh, Nguyễn Quốc và CS. Bảo vệ sức khỏe, phòng và chống tác hại nghề nghiệp của hóa chất trừ sâu cho người lao động trong nông nghiệp. Chương trình tiến bộ khoa học kỹ thuật trọng điểm của Nhà nước, đề tài 58.01.07.02, 2002. Tr 56 - 78.
- Abdeali A.: Risk management and occupational safety and health practices in Singapore. The 22<sup>nd</sup> annual conference of the Asia Pacific Occupational Safety and Health Organization, Bangkok, Thailand. 2006. p B127- 32.
- Haryono. APOSCHO and Globalization Era. Proceedings, The 21<sup>st</sup> annual conference of the Asia Pacific Occupational Safety and Health Organization, Bali Indonesia, 2005. p 1- 4. □